



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN THANH VAN
Last Middle First

Current Address 287 Nguyen Tieu La, Phuong 8, Quan 10, T/P HOCHIMINH VN

Date of Birth 5-11-47 Place of Birth Long Chau, VINH LONG VN

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant, Special Mission Handler, Detachment
(Rank & Position) 67/101th Military Intelligence Unit (Unit 101)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6-25-75 To 2-13-88

3. SPONSOR'S NAME: PHAN DA HUONG
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	<u>Sister in-law</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

SAIGON ngày 20 tháng 03 năm 1988.

KÍNH GỬI :

BÀ KHUẤT MINH THƠ

PO. BOX. 5435 . ARLINGTON . VA. 22.205. 0636.
USA.

- Tôi ký tên dưới đây là : LÊ VĂN THANH VÂN.
- Sinh : tháng 11 năm 1947 tại Long-Châu , Vĩnh Long .
- Hiện ngụ tại số 287 Nguyễn Tiểu La, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh .
- Nguyên trước đây tôi là Trung úy thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 30-04-1975 bị di hặc tập cải tạo cho đến ngày 13-02-1988 (gần 13 năm), mới được phóng thích .

Nguyện vọng của tôi là được sang sinh sống tại Hoa-Kỳ cùng với gia đình(gồm có mẹ và anh em) *ĐỂ TỰ MẠC CHÍNH TRỊ.*

Được biết bà có hảo tâm thiện chí giúp đỡ tù chính-trị nào muốn di sang Hoa-Kỳ , nên tôi trân trọng gửi thơ này đến văn phòng của Bà cầu xin được sự giúp đỡ như ý nguyện . Gia đình tôi xin thành thật tri ơn bà .

Trường khi chờ đợi sự giúp đỡ của Bà, kính xin Bà nhận nơi đây lòng biết ơn của tôi và gia đình .

Trân trọng kính chào Bà,

-Hồ sơ đính kèm :

- 01 bản lý lịch cá nhân .
- 01 bản sao giấy ra trại .
- 01 giấy khai sinh .
- 01 giấy báo lãnh của PHAN ĐẠ HƯƠNG .


LÊ VĂN THANH VÂN

TO : MIES KHUC MINH THO

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONER'S FAMILY .

COLUMBIA , PIKE SUITED , ARLINGTON .

USA.

-----00000-----

VIETNAMESE POLITICAL PRISONER'S DATA
(OUT CAMP).

- Informations Previser : -Mrs PHAN DA HUONG
 - Address in US : 4011 West , Braddeek . Road Alexandria- Virginia.
22.304 . USA .
 - Prisoner's name : - LÊ VAN THANH VÂN .
 - Date and place birth : -November, 1947, LONG CHÂU, VINH-LONG .
 - Position/ Rank/SN (before April 1975):
 - Lieutenant . Special Mission Agent Handler , Detachment
67/ 101 th Military intelligent Unit (Unit 101).
 - Military serial number : 67/ 805295 .
 - Code number : 1387 and CQ 704.
 - Code name : - NGUYỄN LÊ LA SƠN.
 - Political prisoner : - Yes .
 - From : June 25 /1975 TO : February 13, 1988 .
 - Place of reeducation : - From camps Xuân- Lộc- LONG GIAO- HOÀNG LIÊN-SƠN
(Batho)- LAOKAY- VINH PHÚ TO camp THỦ-BÚC Z.30D.(HÀM-TÂN).
 - Marital status : Single .
 - Address in VN : - 287 Nguyễn Tiên Lê, P.8/ Quận 10/ Hồ Chí Minh City .
 - Education in JAPAN : - Collection Intelligence Basic Course at OKINAWA
(1971) JAPAN .
 - Application for QDP : - Not yet .
 - Name, Address of relative in US : - Mrs. PHAN DA HUONG .
 - Relationship With prisoner : -  sister in law .
 - Enclosures :
 - 01 copy of release 's certificate.
 - 01 copy of birth certificate.
- Information 's Previser ,
Signature, _____ Date : _____

MRS. PHAN DA HUONG

4011. West Braddeek . Road .Alexandre
Virginia . 22.304 . USA .

INTAKE FORM :

-----00000-----

- Prisoner's name : LÊ VĂN THANH VÂN .
- Code name : NGUYỄN LÊ LA SƠN .
- Date and place of birth : - Novembre, 1947, Long-CHÂU, VINH-LONG.
- Name father : LÊ THÀNH KHUÊ (Dead 30-01-1988).
- Name mother : VŨ THỊ VÂN .
- Marital status : - Single .
- Address in VN : - 287 Nguyễn Tiểu La, Phường 8/ Quận 10. Hồ Chí Minh City .



- Position before April 1975 :
 - Rank : - Lieutenant . - Military serial number : 67/805295.
 - Code number : 1387 and CC. 704 .
 - Function : - Special Mission Agent Handler, Detachment 67/101 th Military Intelligent Unit (Unit 101).

- Month/ Date/ year arrested : - June 25 , 1975 .
- Month / Date/ Year out of camp : - February 13 , 1988.

- Place of readjustment : - From camps XUÂN-LỘC- LONG GIAO- HOÀNG-LIÊN- SON(BA-KHE)- LAO-KAY- VINH PHÚ -TO camp THỦ-ĐỨC. Z.30D.

- Education at VN :

- Combat Intelligence Course at Base 49 Hái Nhỏ, VŨNG-TÀU.
- Intelligence Staff officer I at CÂY MÀI school .Military Intelligent .

- Education at JAPAN :

- Collection Intelligence Basic Course at OKINAWA (1971).
- (Unsurpassing Intelligence School .)

- Relative to accompany with expolitical prisoner TO USA :

- 1)-VŨ THỊ VÂN (Mẹ) : Sinh 15-03-1926 tại Rạch-Gĩa .
- 2)-LÊ XUÂN PHONG (Anh) : -Sinh 13-08-1943 tại Rạch-Gĩa .
- 3)-LÊ THỊ PHỈ (em):- Sinh 22-03-1952 tại Vĩnh Long .
- 4)-LÊ VĂN THANH TÂM (em) :- Sinh 03-11-1954 tại Vĩnh Long .
- 5)-LÊ VĂN THANH QUANG : (em) - Sinh 13-01-1957 tại Sài Gòn .
- 6)-LÊ VĂN NGỌC VINH (em):- Sinh 09-01-1960 tại Sài Gòn .
- 7)-LÊ THỊ NGỌC DUNG (em):- Sinh 02-09-1965 tại Sài Gòn .
- 8)-LÊ THỊ NGỌC TRANG (em):- Sinh 21-05-1968 tại Sài Gòn .
- 9)-LÊ NGỌC THANH CHÂU (em):- Sinh 20-11-1970 tại Sài Gòn .

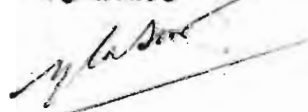
- Closest relative in US :

- Name : PHAN DẠ HƯƠNG (Old Sister inlaw) :-

- Name : LÂM THỊ NGUYỆT (Cousin sister):-

DATE: 20-03-1988

Signature



LÊ VĂN THANH VÂN. 287 Nguyễn Tiểu La.P.8
Quận 10. HỒ CHÍ MINH CITY.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QT.G, ban hành theo công văn số 2503 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Thủ Đức

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số /HS

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SNSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 64

ngày 4 tháng 2 năm 1988

của

Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Văn Thanh Văn

Sinh năm 1947

Các tên gọi khác

Nơi sinh Vĩnh Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 287 Nguyễn Tiểu La Q10 TP HCM

Can tội Trung uý trưởng khoi đặc nhiệm

Bị bắt ngày 25/6/75

Án phạt TTC T

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 287 Nguyễn Tiểu La Q10 TP HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

- Quá trình cải tạo của anh Văn có nhiều cố gắng.

Trung thực, học tập và chấp hành nội qui của trại.

- Tiến đi đường cải tạo tốt từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

NOI CƯ Trại

Trước ngày 15 tháng 2 năm 19 88

Lưu tay ngôn trở phát

Của Lê Văn Thanh Văn

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 13 tháng 2 năm 19 88

P. Trưởng trại

(Chữ họ, tên, cấp bậc, chức vụ)

BA-P8-010 Kèo nhôm

Sơ có đến thuê điện tại xưởng

Ngày 15/2/92

GIỮNG Y BẢN CHÁNH

XUẤT TRÌNH TẠI UBND PHƯỜNG 8. Q.10

TP. HỒ CHÍ MINH Ngày 15/2/92

UBND PHƯỜNG 8. Q.10



ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP

Département de la Justice

SỞ TƯ PHÁP NAM PHÂN

Service Judiciaire du Sud-Viet-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

VINHLONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Làng Long-Châu

(Extrait du registre des actes de naissance)

VINHLONG

(NAM-PHÂN)

(Sud-Vietnam)

NĂM

1953

(Année)

SỐ HIỆU

1010

(Acte, No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Toà HGRQ. Vĩnhlong xử về việc
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Dân sự ngày 21-3- năm 1962 có tuyên
Sanh ngày nào (Date de naissance)	án như sau đây :
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bởi các lẽ ấy :
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phản rằng: Lê-văn-Thanh-Vân, phái
Cha làm nghề gì (Sa profession)	nam, sanh tại làng Long-Châu hạt Vĩnhlong
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	trọng tháng mười một năm một ngàn
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	chín trăm bốn mươi bảy, cha là Lê-
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	thành-Thue, mẹ là Võ-thị-Ven, con từ-
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	sinh đã được cha mẹ nhìn nhận,
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Nay cước
	Vĩnhlong, ngày 15-6-1953
	Uỷ-viên Hộ-Tịch
	Ký tên : Không rõ

TUN.

Chúng tôi,
(Nous)

Huỳnh-mai-Xuân, Thẩm-Phán

Chánh-án Toà
(President du Tribunal)

Vĩnhlong

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Phùng-văn-Hợp

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại,
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Vĩnhlong, ngày 28/6 1953

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Vĩnhlong, ngày 28/6 1953
TUN. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Giống y bản chánh

XUẤT TRÌNH TẠI UBND PHƯỜNG 8. Q. 10

Giá tiền : 5000

(Coût)

Biên-lai số : 9358

(Quittance No)

N/5

CONTROL

____ Card
____ Don. Request: Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form: BPP 12-1-1
____ ODP/Date: _____
____ Membership: Letter

Lê Văn Thanh Vân
287 Nguyễn Trãi La
Quận 10 / Thành phố HCM
Việt Nam .



Kính gửi Bà Khúc Minh Thù

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635

USA